



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02372/2026/PKQ (26.1101.12A2606.152)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 16/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				12A2606.152	Cột B
1.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<2,0	1.000
2.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5,0	500
3.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	2,3	50
4.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	27,9	200
5.	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	183	850

Ghi chú:

- **QCVN 19:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **12A2606.152**: Mẫu khí thải lấy tại đầu ra sau HTXL Khí thải lò đốt dầu DO của Công ty

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02373/2026/PKQ (26.1101.12A2606.153-155)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Không khí
Số lượng mẫu : 3
Thời gian lấy mẫu : 16/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				12A2606.153	12A2606.154	12A2606.155	Trung bình 1 giờ
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	79,4	79,1	71,8	-
2.	SO ₂	µg/Nm ³	MASA 704A	45,8	50,8	53,8	350
3.	CO	µg/Nm ³	QT.PTN.KK09	4.565	4.087	4.152	30.000
4.	NO ₂	µg/Nm ³	MASA 406	19,0	54,0	52,2	200
5.	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	123	143	137	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- 12A2606.153: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 1
- 12A2606.154: Mẫu khí lấy tại khu vực Lacta 2
- 12A2606.155: Mẫu khí lấy tại khu vực đóng gói

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02379/2026/PKQ (26.1101.12W2606.249)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
Địa chỉ : NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG
Loại mẫu : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
Tình trạng mẫu : Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Số lượng mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Thời gian thử nghiệm : 01
Thời gian thử nghiệm : 16/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6 ÷ 9
2.	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	30
3.	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17	75
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	3,5	50
5.	Tổng nitơ (TN)	mg/L	TCVN 6624-2:2000	17,0	20
6.	Tổng photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	2,81	4
7.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<0,3	5
8.	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	1,3x10 ³	3.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- 12W2606.249: Mẫu nước thải đầu ra tại HTXL nước thải

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02374/2026/PKQ (26.1101.12S2606.40)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG
Địa chỉ : Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
Loại mẫu : Chất thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 16/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT	
				12S2606.40	Ngưỡng CTNH tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L)	Ngưỡng CTNH tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm)
1.	Bạc (Ag)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	<0,001	-	-
2.	Độ ẩm	%	TCVN 4048:2011	53,89	-	-
3.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 1311+ US EPA 6020B	KPH (MDL = 0,001)	≥ 0,2	-
4.	Asen (As)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	<0,001	≥ 5,0	-
5.	Bari (Ba)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	<0,001	≥ 100	-
6.	Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	<0,0003	≥ 1,0	-
7.	Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	<0,001	≥ 5,0	-
8.	Coban (Co)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	<0,050	≥ 80	-
9.	Kẽm	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	<0,010	-	-
10.	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7000B	<0,020	≥ 70	-
11.	Naphthalene	mg/L	US EPA 1311 + US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270D	<0,07	-	-

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT	
				12S2606.40	Ngưỡng CTNH tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L)	Ngưỡng CTNH tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm)
12.	Phenol	mg/L	US EPA 1311 + US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E	<0,0006	≥ 1000	-
13.	Benzen	mg/L	US EPA 1311 + US EPA 5021A + US EPA 8260D	<0,07	≥ 0,5	-
14.	Clobenzen	mg/L	US EPA 1311 + US EPA 5021A + US EPA 8260D	<0,07	≥ 100	-
15.	Toluen	mg/kg	US EPA 1311 + US EPA 5021A + US EPA 8260D	<0,07	-	-
16.	Tổng dầu	mg/kg	US EPA Method 9071B	96,1	-	-
17.	Selen (Se)	mg/L	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7010	0,003	> 1,0	-
18.	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/kg	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	<0,10	-	≥ 590
19.	Crom (Cr) ^(d)	mg/L	US EPA 1311 + SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL =0,02)	≥ 5,0	-

Ghi chú:

- QCVN 07:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
- 12S2606.40: Mẫu bùn thải lấy tại máy ép bùn HTXL nước thải của Công ty
- (d): chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 19 do Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện và Môi trường Asia Green thực hiện;

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02375/2026/PKQ (26.1101.12W2606.247-248)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Địa chỉ

: Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng

Loại mẫu

: Nước dưới đất

Tình trạng mẫu

: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất

Số lượng mẫu

: 2

Thời gian lấy mẫu

: 16/06/2026

Thời gian thử nghiệm

: 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
				12W2606. 247	12W2606. 248	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	6,9	5,8 ÷ 8,5
2.	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,8	0,7	4
3.	Độ cứng tổng số	mg/L	SMEWW 2340C:2023	84,0	106	500
4.	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,01	<0,01	1
5.	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,01	<0,01	1
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,04	0,06	15
7.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	67	147	250
8.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	<0,001	0,05
9.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	2,13	33,3	5
10.	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	1	<1	3
11.	E.coli	Vi khuẩn/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	Không phát hiện
12.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	QT-HT.N02	167	160	1.500

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>.

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- 12W2606.247: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 2
- 12W2606.248: Mẫu nước ngầm lấy tại giếng 3

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02380/2026/PKQ (26.1101.12W2606.253)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian lấy mẫu

Thời gian thử nghiệm

: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM –
NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG
: Lô Q, Đường số 7, Khu công nghiệp Hòa Khánh,
: Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
: Nước thải
: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
: 01
: 16/06/2026
: 16/06/2026 - 06/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3
2.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	8,5
5.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001
6.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,0003)
7.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,001
8.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0002
9.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003
10.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,008
11.	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,14
12.	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002
13.	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0001
14.	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	<0,040
15.	Tổng Xianua	mg/L	SMEWW 4500CN-.C&E:2023	<0,003
16.	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001
17.	Crom tổng số (Cr)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,003
18.	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500- F-B&D:2023	0,28
19.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,09
20.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	65,0
21.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<0,3
22.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,006
23.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,05
24.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	0,08

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
25.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500.NO3-.E:2023	12,1
26.	Phốt phát (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,62
27.	Nitrit (NO ₂ ⁻) tính theo N	mg/L	TCVN 6178:1996	<0,01
28.	Dieldrin	mg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,00003
29.	E.coli	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221F: 2023	<2
30.	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	920
31.	DDTs	mg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,00003
32.	Hàm lượng oxy hoà tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,9
33.	Aldrin	mg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,00003
34.	Lindane	mg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,00003
35.	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/L	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270D	<0,00003

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- 12W2606.253: Mẫu nước thải sau xử lý sử dụng cho mục đích tưới tiêu

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.